

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TÂN AN
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 12-5-2022
V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TÂN AN, TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Toàn Vẹn

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Tĩnh

Ông Trương Văn Xưa

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Thùy Trang - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An.

Trong ngày 12 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 242/2021/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 12 năm 2021 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Hồng H, sinh năm 1999;

Cư trú tại: Số 328/16 Đường T, Phường N, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Đình T, sinh năm 1993;

Cư trú tại: Số 327 Quốc lộ M, Phường X, thành phố T, tỉnh Long An.

(Chị H và anh T đều vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ly hôn ngày 20 tháng 12 năm 2021 và các lời khai tiếp theo trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hồng H trình bày:

Chị và anh Nguyễn Đình T quen biết, tìm hiểu nhau từ ngày 07 tháng 3 năm 2021, được gia đình hai bên chấp thuận tổ chức lễ cưới và được Ủy ban nhân dân Phường X, thành phố T, tỉnh Long An cấp giấy chứng nhận kết hôn số 24/2021 ngày 23 tháng 4 năm 2021. Sau khi cưới, vợ chồng chung sống hạnh phúc thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không thể xây dựng tình cảm, đời sống chung của vợ chồng không có; anh T chỉ mong muốn có

con mà không có tình cảm vợ chồng với chị. Chị đã nhiều lần mong muốn giải quyết vấn đề giữa vợ chồng nhưng anh T vẫn không thay đổi tốt hơn. Chị H xác định hôn nhân giữa chị và anh T không có tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh T.

Chị H xác định vợ chồng không có con chung, không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết; Chị H có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải và xét xử vắng mặt.

Bị đơn anh Nguyễn Đình T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ nhưng anh T vắng mặt không lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu ly hôn của Chị H. Vụ án được Tòa án đưa ra xét xử theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền: Chị Nguyễn Thị Hồng H có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Đình T cư ngụ Phường X, thành phố T, tỉnh Long An. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố T theo thủ tục sơ thẩm.

[2] Về xét xử vắng mặt đương sự: Sau khi thụ lý vụ án, bị đơn anh Nguyễn Đình T đã được Tòa án thực hiện thủ tục tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo Điều 179 Bộ luật Tố tụng dân sự tại nơi cư trú nhưng anh T vắng mặt trong suốt quá trình xét xử. Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hồng H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Hồng H và anh Nguyễn Đình T tiến tới hôn nhân sau thời gian tìm hiểu, được gia đình hai bên đồng ý và được Ủy ban nhân dân Phường X, thành phố T, tỉnh Long An cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 23 tháng 4 năm 2021 nên đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận theo Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và lời khai của nguyên đơn có căn cứ xác định: Sau khi kết hôn, Chị H và anh T chỉ chung sống hạnh phúc được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn do chị H phát hiện anh T không có tình cảm với chị H, anh T không yêu thương chị H mà chỉ mong muốn chị H sinh con cho anh T, cả hai không còn chung sống từ tháng 10 năm 2021 cho đến nay. Sau khi thụ lý vụ án, anh T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng thể hiện việc chị H xin ly hôn nhưng anh T không đến Tòa án cũng không có văn bản thể hiện ý kiến đối với yêu cầu ly hôn của chị H. Điều đó, cho thấy anh T không còn thiết tha tình cảm vợ chồng, không muốn đoàn tụ và xây dựng đời sống hôn nhân gia đình với chị H; mối quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ theo quy

định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H đối với anh T.

[5] Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập.

[6] Về án phí: Chị H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị Hồng H được ly hôn với anh Nguyễn Đình T.

2. Về con chung: không có.

3. Về tài sản chung và nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Hồng H phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, chuyển 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí chị H đã nộp theo biên lai thu số 0001253 ngày 29 tháng 12 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Long An sang thi hành án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND tp. Tân An;
- Chi cục THADS tp. T;
- UBND Phường X, tp. T;
- Các đương sự (02);
- Lưu: HS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Toàn Vẹn